

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/4/2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con,
cấp dưỡng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phẩm

2. Ông Dương Sinh Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Kim T, sinh năm 1985 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp VL, xã CA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long

Chỗ ở hiện nay: ấp TT, xã AP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp VL, xã CA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Phạm Thị Kim T trình bày:

Vào năm 2005 chị T và anh Nguyễn Văn S qua quen biết tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chánh An, huyện Mang Thít; theo giấy chứng nhận kết hôn số 60, ngày 14/8/2006. Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc

T, sinh ngày 30/8/2006 và Nguyễn Trọng P, sinh ngày 03/11/2012, hiện 02 cháu đang sống chung với chị T.

Sau khi cưới chị T và anh S về sinh sống tại ấp Vàm Lịch, xã Chánh An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó đến năm 2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến thường xuyên gây cãi, nên đến khoảng tháng 05/2020 chị T dẫn theo 02 con về nhà cha mẹ ruột tại ấp Thanh Thủy, xã An Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long sinh sống và ly thân kể từ đó cho đến nay không có đoàn tụ trở lại.

Nay chị T cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

- Về con chung: Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 30/8/2006 và Nguyễn Trọng P, sinh ngày 03/11/2012. Chị T yêu cầu anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng 02 con chung mỗi tháng là 750.000 đồng/01 con chung/tháng cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án con chung trên 07 tuổi của nguyên đơn và bị đơn cháu Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 30/8/2006 trình bày: Cháu là con chung của ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Kim T, khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ; đồng thời cháu xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Ngoài ra, không có ý kiến gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án con chung trên 07 tuổi của nguyên đơn và bị đơn cháu Nguyễn Trọng P, sinh ngày 03/11/2012 trình bày: Cháu là con chung của ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Kim T, khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ; đồng thời cháu xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Ngoài ra, không có ý kiến gì khác.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo cho bị đơn anh Nguyễn Văn S biết việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu của chị T. Nhưng anh S không có văn bản trả lời và vắng mặt tại tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, đồng thời đều vắng mặt tại các phiên tòa mặc dù đã được tổng đạt triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án không tiến hành ghi lời khai của bị đơn và hòa giải cho các đương sự được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn có nơi cư trú tại xã Chánh An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình tiến hành tố tụng xét xử vụ án, mặc dù đã được triệu tập

tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Xét, giữa chị T và anh S chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chánh An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S là hợp pháp. Chị T cho rằng trong quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai người không hợp dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được nên đến khoảng tháng 05/2020 chị T dẫn 02 con về nhà cha mẹ ruột tại ấp Thanh Thủy, xã An Phước, huyện Mang Thít sinh sống và ly thân với anh S từ đó cho đến nay, không có đoàn tụ trở lại. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do, anh S không đến phiên tòa, thể hiện anh S đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Điều này cũng chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh S là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 9, 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 30/8/2006 và Nguyễn Trọng P, sinh ngày 03/11/2012; xét 02 cháu hiện do chị T nuôi dưỡng, cháu vẫn phát triển tốt về mọi mặt, cháu T và P đều có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị T. Do đó, yêu cầu của chị T là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T yêu cầu anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung Nguyễn Thị Ngọc T và Nguyễn Trọng P mỗi tháng là 750.000 đồng/01 con chung/01 tháng cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy, trách nhiệm nuôi dưỡng con cái là nghĩa vụ chung của cha mẹ, nên để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho cháu Th và P, anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 750.000 đồng/01 con chung/01 tháng cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Do đó, yêu cầu của chị T là phù hợp theo quy định tại các Điều 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bị đơn phải chịu tiền án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị Kim T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho nguyên đơn chị Phạm Thị Kim T được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn S.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 30/8/2006 và Nguyễn Trọng P, sinh ngày 03/11/2012 cho nguyên đơn chị Phạm Thị Kim T nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung Nguyễn Thị Ngọc T và Nguyễn Trọng P mỗi tháng là 750.000 đồng/01 con chung/01 tháng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng trên một con chung trên một tháng*). Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Trọng P đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số: 0006898 ngày 14/01/2022. Nguyên đơn không phải nộp thêm tiền án phí. Buộc bị đơn Nguyễn Văn S phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là mười lăm ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Mang Thít;
- Chi cục THADS huyện Mang Thít;
- UBND xã Chánh An (2006);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Bích